

Số: 32 /2025/QĐ-CTUBND

Đồng Nai, ngày 03 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Phân cấp thẩm quyền quản lý, xử lý và khai thác tài sản công
tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đồng Nai**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 255/TTr-STC ngày 28 tháng 8 năm 2025;

Chủ tịch Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định phân cấp thẩm quyền quản lý, xử lý và khai thác tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đồng Nai.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này phân cấp thẩm quyền quyết định quản lý, xử lý và khai thác tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đồng Nai theo quy định tại Nghị định số 186/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; cụ thể như sau:

a) Giao tài sản bằng hiện vật cho cơ quan nhà nước thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 6 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP;

b) Khoán kinh phí sử dụng nhà ở công vụ; khoán kinh phí sử dụng máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh và các loại tài sản công khác theo khoản 2 Điều 8, khoản 3 Điều 10, Điều 11 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP;

c) Khai thác, xử lý tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị;

d) Phê duyệt đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết.

2. Quyết định này không điều chỉnh đối với:

a) Thẩm quyền khoán kinh phí sử dụng tài sản công, khai thác, xử lý tài sản công tại Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Việc khoán kinh phí sử dụng tài sản công, khai thác, xử lý tài sản công tại Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam được thực hiện theo quy định tại Điều 65 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

b) Thẩm quyền quyết định khai thác, xử lý tài sản công tại tổ chức hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ trực thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; phê duyệt đề án sử dụng tài sản công tại tổ chức hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ trực thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết. Việc quyết định khai thác, xử lý tài sản công tại tổ chức hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ trực thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; phê duyệt đề án sử dụng tài sản công tại tổ chức hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ trực thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết được thực hiện theo quy định tại Điều 66 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

c) Thẩm quyền quyết định quản lý (khoán kinh phí sử dụng nhà ở công vụ; quyết định đối tượng, mức khoán kinh phí sử dụng máy móc thiết bị và tài sản công khác), khai thác tài sản công, xử lý tài sản công (giao tài sản; bán, thanh lý, tiêu hủy tài sản; xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại) do Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh quản lý, sử dụng. Việc quản lý, khai thác, xử lý tài sản công (khoán kinh phí sử dụng tài sản công; bán, thanh lý, tiêu hủy, xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại) do Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh quản lý, sử dụng được thực hiện theo các quy định pháp luật có liên quan tại Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

d) Thẩm quyền quyết định khai thác, xử lý tài sản công (bán, thanh lý, tiêu hủy, xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại) do Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư quản lý, sử dụng; thẩm quyền khai thác tài sản công do Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên quản lý, sử dụng. Việc khai thác, xử lý tài sản công (bán, thanh lý, tiêu hủy, xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại) do Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư quản lý, sử dụng; thẩm quyền khai thác tài sản công do Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên quản lý, sử dụng được thực hiện theo các quy định pháp luật có liên quan tại Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

đ) Thẩm quyền bán tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư) đối với tài sản có nguyên giá dưới 250 triệu đồng/01 đơn vị tài sản và tài sản có giá trị đánh giá lại dưới 50 triệu đồng/01 đơn vị tài sản. Việc bán tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư) đối với tài sản có nguyên giá dưới 250 triệu đồng/01 đơn vị tài sản và tài sản có giá trị đánh giá lại dưới 50 triệu đồng/01 đơn vị tài sản được thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 58 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

e) Thẩm quyền thanh lý tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư) đối với tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản và tài sản có giá trị đánh giá lại dưới 50 triệu đồng/01 đơn vị tài sản. Việc thanh lý tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư) đối với tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản và tài sản có giá trị đánh giá lại dưới 50 triệu đồng/01 đơn vị tài sản được thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 59 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

3. Đối với các nội dung không được quy định tại Quyết định này được thực hiện theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản pháp luật sửa đổi, bổ sung; Nghị định số 186/2025/NĐ-CP và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (sau đây gọi chung là các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh).
2. Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.
3. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Thẩm quyền quyết định giao tài sản bằng hiện vật thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 6 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giao tài sản đối với tài sản công là trụ sở làm việc, tài sản gắn liền với đất (sau đây gọi là nhà, đất).
2. Sở Tài chính quyết định giao tài sản đối với phương tiện vận tải đường bộ, phương tiện vận tải đường thủy và các loại phương tiện vận tải khác (sau đây gọi là các loại phương tiện vận tải).
3. Trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, thẩm quyền quyết định giao tài sản công được thực hiện như sau:

a) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định giao tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định giao tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (bao gồm việc giao tài sản công do Cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện bàn giao quyền quản lý, sử dụng trước khi tổ chức lại chính quyền địa phương 02 cấp).

Điều 4. Thẩm quyền quyết định khoán kinh phí sử dụng nhà ở công vụ

1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định mức khoán kinh phí sử dụng nhà ở công vụ đối với các đối tượng khoán thuộc phạm vi quản lý trong trường hợp Nhà nước không bố trí được nhà ở công vụ.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định mức khoán kinh phí sử dụng nhà ở công vụ đối với các đối tượng khoán thuộc phạm vi quản lý trong trường hợp Nhà nước không bố trí được nhà ở công vụ.

Điều 5. Thẩm quyền quyết định khoán kinh phí sử dụng máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh và tài sản khác (trừ xe ô tô)

1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định đối tượng khoán; mức khoán kinh phí sử dụng máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh và tài sản khác đối với cán bộ, công chức và cá nhân khác thuộc phạm vi quản lý.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đối tượng khoán; mức khoán kinh phí sử dụng máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh và tài sản khác đối với cán bộ, công chức và cá nhân khác thuộc phạm vi quản lý.

Điều 6. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi đối với tài sản công là nhà, đất.

2. Sở Tài chính quyết định thu hồi đối với các loại phương tiện vận tải.

3. Trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công được thực hiện như sau:

a) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định thu hồi tài sản công thuộc quyền quản lý, sử dụng; quyết định thu hồi tài sản công đối với tài sản công thuộc quyền quản lý, sử dụng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thu hồi tài sản công đối với tài sản công thuộc quyền quản lý, sử dụng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Điều 7. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển đối với tài sản công là nhà, đất.

2. Sở Tài chính quyết định điều chuyển đối với các loại phương tiện vận tải.

3. Trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công (bao gồm tài sản công không phải là tài sản cố định) được thực hiện như sau:

a) Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển tài sản công thuộc quyền quản lý, sử dụng sang cơ quan, tổ chức, đơn vị khác thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đồng Nai sau khi có ý kiến thống nhất của cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận tài sản; trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận tài sản có cơ quan quản lý trực tiếp thì phải xin ý kiến thống nhất của cơ quan quản lý trực tiếp.

b) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh:

b1) Quyết định điều chuyển tài sản công giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

b2) Quyết định điều chuyển tài sản thuộc quyền quản lý, sử dụng hoặc tài sản thuộc quyền quản lý, sử dụng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý sang cơ quan, tổ chức, đơn vị khác thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đồng Nai sau khi có ý kiến thống nhất của cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận tài sản; trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận tài sản có cơ quan quản lý trực tiếp thì phải xin ý kiến thống nhất của cơ quan quản lý trực tiếp.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã:

c1) Quyết định điều chuyển tài sản công giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

c2) Quyết định điều chuyển tài sản thuộc quyền quản lý, sử dụng của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý sang cơ quan, tổ chức, đơn vị khác thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đồng Nai sau khi có ý kiến thống nhất của cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận tài sản; trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận tài sản có cơ quan quản lý trực tiếp thì phải xin ý kiến thống nhất của cơ quan quản lý trực tiếp.

Điều 8. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công

1. Sở Tài chính quyết định bán đối với các loại phương tiện vận tải.

2. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công quyết định bán đối với tài sản công không phải là tài sản cố định theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 22 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

3. Trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán đối với tài sản công là tài sản cố định thuộc quyền quản lý, sử dụng.

4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này, thẩm quyền quyết định bán đối với tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập có nguyên giá từ 250 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản và tài sản có giá trị đánh giá lại từ 50 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản được thực hiện như sau:

a) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định bán đối với tài sản công thuộc quyền quản lý, sử dụng của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý có nguyên giá từ 250 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản và tài sản có giá trị đánh giá lại từ 50 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định bán tài sản công đối với tài sản công thuộc quyền quản lý, sử dụng của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý có nguyên giá từ 250 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản và tài sản có giá trị đánh giá lại từ 50 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

5. Trừ trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều này, thẩm quyền quyết định bán tài sản công là tài sản cố định được thực hiện như sau:

a) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định bán đối với tài sản công thuộc quyền quản lý, sử dụng; quyết định bán đối với tài sản công thuộc quyền quản lý, sử dụng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định bán tài sản công đối với tài sản công thuộc quyền quản lý, sử dụng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Điều 9. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công

1. Sở Tài chính quyết định thanh lý theo hình thức phá dỡ, hủy bỏ đối với tài sản công là nhà, đất; quyết định thanh lý đối với các loại phương tiện vận tải.

2. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công quyết định thanh lý đối với tài sản công không phải là tài sản cố định theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 22 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

3. Trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý đối với tài sản công là tài sản cố định thuộc quyền quản lý, sử dụng.

4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2, và khoản 3 Điều này, thẩm quyền quyết định thanh lý đối với tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản và tài sản có giá trị đánh giá lại từ 50 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản được thực hiện như sau:

a) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định thanh lý đối với tài sản công thuộc quyền quản lý, sử dụng của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản

lý có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản và tài sản có giá trị đánh giá lại từ 50 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thanh lý tài sản công đối với tài sản công thuộc quyền quản lý, sử dụng của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản và tài sản có giá trị đánh giá lại từ 50 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

5. Trừ trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều này, thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công là tài sản cố định được thực hiện như sau:

a) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định thanh lý đối với tài sản công thuộc quyền quản lý, sử dụng; quyết định thanh lý đối với tài sản công thuộc quyền quản lý, sử dụng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thanh lý tài sản công đối với tài sản công thuộc quyền quản lý, sử dụng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Điều 10. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tiêu hủy tài sản công là nhà, đất.

2. Sở Tài chính quyết định tiêu hủy tài sản công là các loại phương tiện vận tải.

3. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công quyết định tiêu hủy tài sản công và xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản công không phải là tài sản cố định theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 32, điểm b khoản 4 Điều 34 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này, thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công là tài sản cố định và xử lý tài sản công là tài sản cố định trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại được thực hiện như sau:

a) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định tiêu hủy tài sản công thuộc quyền quản lý, sử dụng; quyết định tiêu hủy tài sản công đối với tài sản công thuộc quyền quản lý, sử dụng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định tiêu hủy tài sản công đối với tài sản công thuộc quyền quản lý, sử dụng của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Điều 11. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản công là nhà, đất.

2. Sở Tài chính quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản công là các loại phương tiện vận tải.

3. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản công không phải là tài sản cố định theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 32, điểm b khoản 4 Điều 34 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này, thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công là tài sản cố định trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại được thực hiện như sau:

a) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản công thuộc quyền quản lý, sử dụng; quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản công thuộc quyền quản lý, sử dụng của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Điều 12. Thẩm quyền quyết định khai thác tài sản công

1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định việc khai thác tài sản công đối với tài sản công thuộc quyền quản lý, sử dụng; quyết định việc khai thác tài sản công thuộc quyền quản lý, sử dụng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định việc khai thác tài sản công đối với tài sản công thuộc quyền quản lý, sử dụng của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Điều 13. Thẩm quyền quyết định sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư đối với tài sản công là nhà, đất.

2. Sở Tài chính quyết định sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư đối với tài sản công là các loại phương tiện vận tải.

3. Trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư đối với tài sản công thuộc quyền quản lý, sử dụng.

4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này, thẩm quyền quyết định sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư được thực hiện như sau:

a) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh (trừ đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh) quyết định sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư đối với tài sản công thuộc quyền quản lý, sử dụng của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư đối với tài sản công thuộc quyền quản lý, sử dụng của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý.

Điều 14. Thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án và tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án (trường hợp dự án không xác định cụ thể đối tượng thụ hưởng) đối với các dự án thuộc địa phương quản lý

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án và tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án (trường hợp dự án không xác định cụ thể đối tượng thụ hưởng) đối với tài sản công là nhà, đất.

2. Sở Tài chính quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án và tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án (trường hợp dự án không xác định cụ thể đối tượng thụ hưởng) đối với tài sản công là các loại phương tiện vận tải.

3. Trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án được thực hiện như sau:

a) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án và tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án (trường hợp dự án không xác định cụ thể đối tượng thụ hưởng) trong trường hợp trực tiếp được giao nhiệm vụ thực hiện dự án hoặc các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý là đơn vị được giao nhiệm vụ thực hiện dự án.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án và tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án (trường hợp dự án không xác định cụ thể đối tượng thụ hưởng) trong trường hợp Ủy ban nhân dân cấp xã được giao nhiệm vụ thực hiện dự án hoặc các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý là đơn vị được giao nhiệm vụ thực hiện dự án.

Điều 15. Thẩm quyền quyết định phê duyệt đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết

1. Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt đề án sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết.

2. Trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thẩm quyền quyết định phê duyệt đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết được thực hiện như sau:

a) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh (trừ đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh) quyết định phê duyệt đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý.

Điều 16. Điều khoản thi hành

Quyết định này có hiệu lực từ ngày 03 tháng 9 năm 2025.

Điều 17. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với các trường hợp đã được cơ quan, người có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt việc quản lý, sử dụng, khai thác, xử lý tài sản công trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành theo quy định phân cấp thẩm quyền do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành thì tiếp tục thực hiện các bước tiếp theo trên cơ sở trình tự, thủ tục quản lý, sử dụng, khai thác, xử lý tài sản công theo quy định pháp luật.

2. Đối với các trường hợp chưa được cơ quan, người có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt việc quản lý, sử dụng, khai thác, xử lý tài sản công kể từ thời điểm Quyết định này có hiệu lực thi hành thì phải thực hiện theo thẩm quyền quy định tại Quyết định này.

3. Đối với các dự toán mua sắm (hoặc gói thầu hoặc nội dung mua sắm) tài sản công hoặc tài sản công là vật tiêu hao đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định việc mua sắm trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành theo quy định phân cấp thẩm quyền do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành thì tiếp tục thực hiện các trình tự, thủ tục mua sắm theo quy định pháp luật đấu thầu và quy định pháp luật có liên quan.

4. Đối với các dự toán mua sắm (hoặc gói thầu hoặc nội dung mua sắm) tài sản công hoặc tài sản công là vật tiêu hao chưa được cơ quan có thẩm quyền quyết định việc mua sắm kể từ thời điểm Quyết định này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo quy định tại Điều 3, Điều 4, Điều 41, Điều 42 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP và quy định pháp luật đấu thầu.

Điều 18. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Trong quá trình thực hiện, trường hợp phát sinh khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền giải quyết, các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương và các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan khác (nếu có) kịp thời báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Tài chính) để chỉ đạo xử lý./.

Nơi nhận:

- Như Điều 18;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VB và QLXLVPHC (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Thường trực UBMTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Chánh, các Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Báo và Phát thanh, truyền hình Đồng Nai;
- Sở Tư pháp;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS (130.b).



CHỦ TỊCH

Võ Tấn Đức